SƠ ĐỒ CHUYÊN ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT

XÃ TUY AN ĐÔNG - TỈNH ĐẮK LẮK

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ TUY AN ĐÔNG - TỈNH ĐẮK LẮK

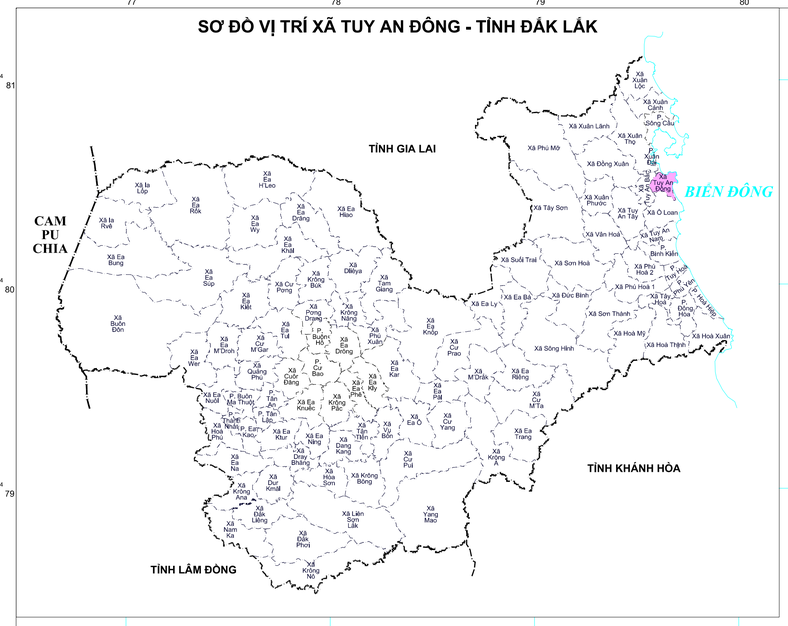

PHƯỜNG XUÂN ĐÀI

XÃ TUY AN BẮC

XÃ Ô LOAN

BIỂN ĐÔNG

Khu vực định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản

Khu vực định hướng phát triển thương mại dịch vụ

Khu vực định hướng phát triển dân cư

Khu vực định hướng phát triển khu dân cư

Đường ven biển

ĐT 641

ĐT 644

CHÚ GIẢI

TÊN KÝ HIỆU	ĐỊNH HƯỚNG	TÊN KÝ HIỆU	ĐỊNH HƯỚNG	TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	ĐỊNH HƯỚNG	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU
*** Nhóm đất nông nghiệp**				Trụ sở UBND cấp tỉnh			Đường biên giới quốc gia xác định	
Đất trồng lúa	Mã HT LUA	Đất công trình thủy lợi	Mã HT DTL	Trụ sở UBND cấp xã			Đường địa giới hành chính cấp tỉnh	
- Đất chuyên trồng lúa	Mã HT LUC	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Mã HT DVH	Sân vận động			Đường địa giới hành chính cấp xã	
Đất trồng cây lâu năm	Mã HT CLN	Đất xây dựng cơ sở y tế	Mã HT DYT	Trường học			Đường giao thông	
Đất rừng phòng hộ	Mã HT RPH	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Mã HT DGD	Bệnh viện, trạm y tế			Sông, suối, hồ, ao	
Đất rừng đặc dụng	Mã HT RDD	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	Mã HT DTT	Bưu điện			Kênh, mương	
Đất rừng sản xuất	Mã HT RSX	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	Mã HT DNL	Đình, chùa, miếu, đền			Bình độ cơ bản	
- Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Mã HT RSN	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	Mã HT DBV	Nhà thờ			Bình độ cái và ghi chú độ cao bình độ	
Các loại đất nông nghiệp còn lại	Mã HT NNL	Đất tôn giáo	Mã HT TON	Đường sắt			Điểm độ cao, ghi chú độ cao	123,5
*** Nhóm đất phi nông nghiệp**		Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	Mã HT NTD	Đường hầm				
Đất quốc phòng	Mã HT CQP	Đất có di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	Mã HT DDD	Cầu bê tông				
Đất an ninh	Mã HT CAN	Đất công trình xử lý chất thải	Mã HT DRA	Cầu sắt				
Đất khu công nghiệp	Mã HT SKK	Đất ở tại nông thôn	Mã HT ONT	Đê, kè				
Đất cụm công nghiệp	Mã HT SKN	Đất ở tại đô thị	Mã HT ODT	Đập				
Đất thương mại, dịch vụ	Mã HT TMD	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Mã HT TSC	Đường điện 110KV				
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Mã HT SKC	Đất có mặt nước chuyên dùng	Mã HT TVC	Đường điện 220KV, 500KV				
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Mã HT SKS	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại	Mã HT PNL	Ranh giới nghiên cứu dự án				
Đất công trình giao thông	Mã HT DGT	Khu vực UBND xã, phường cần đối, xác định.		Nhà máy điện khác				
				Nhà máy điện gió				

Ghi chú:

- Vị trí, ranh giới, hướng tuyến của các đối tượng thể hiện trên sơ đồ chỉ mang tính chất định hướng theo nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Vị trí, ranh giới, hướng tuyến cụ thể được xác định trong Quy hoạch đô thị và nông thôn, Quy hoạch chuyên ngành hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.
- Các đối tượng thuộc khu vực còn lại UBND cấp xã cân đối, xác định.

Tên quy hoạch:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐẮK LẮK THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Tên sơ đồ:
SƠ ĐỒ CHUYÊN ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT XÃ TUY AN ĐÔNG - TỈNH ĐẮK LẮK
TỶ LỆ: 1:15.000
(Kèm theo Tờ trình số 183/TTr-STC ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk)

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐẮK LẮK
Đắk Lắk, ngày 28 tháng 5 năm 2026

Hệ tọa độ: VN-2000

Nguồn tài liệu: - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của xã Tuy An Đông;
- Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

TỶ LỆ 1 : 15.000